

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2022
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Hồng Y**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: đường Đ, khóm B, phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh **Danh Quốc S**, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đường G, khóm M, phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Hồng Y trình bày:

Vào năm 2009, chị và anh Danh Quốc S được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đến ngày 11/02/2009 thì chị và anh S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C (nay là Ủy ban nhân dân phường M), thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, chị và anh S chung sống hạnh phúc. Nhưng đến cuối năm 2015, thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, bất đồng ý kiến, anh S hay ăn chơi và uống rượu mà không lo làm ăn từ đó tình cảm vợ

chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đồng thời, giữa chị với anh S đã sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị với anh S có 02 người con chung tên: Danh Ngọc N (giới tính: Nữ), sinh ngày 02/7/2010 và Danh Quốc T (giới tính: Nam), sinh ngày 14/3/2013. Hiện hai cháu đang sống cùng với chị.

Nay chị nhận thấy cuộc sống gia đình đã tan vỡ không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không thành, hai bên không còn yêu thương nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Danh Quốc S.

- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Danh Ngọc N (giới tính: Nữ), sinh ngày 02/7/2010 và Danh Quốc T (giới tính: Nam), sinh ngày 14/3/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của các cháu N và cháu T). Về cấp dưỡng nuôi các con thì chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị và anh S tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 30/8/2022, bị đơn anh Danh Quốc S trình bày:

Về mối quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung anh thống nhất với nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện của chị Ngô Hồng Y. Hiện nay giữa anh với chị Y không còn sống chung và hai người không còn tình cảm với nhau. Do đó, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị Y được ly hôn với nhau.

Về con chung tên: Anh đồng ý giao 02 người con chung tên: Danh Ngọc N (giới tính: Nữ), sinh ngày 02/7/2010 và Danh Quốc T (giới tính: Nam), sinh ngày 14/3/2013 cho chị Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N và cháu T đủ 18 tuổi. Vì hiện nay cháu N và cháu T đang sống chung với chị Y.

Về cấp dưỡng nuôi con thì anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh và chị Y tự thỏa thuận với nhau mà không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung là không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Cho nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều

227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Ngô Hồng Y với anh Danh Quốc S.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu: Danh Ngọc N (giới tính: Nữ), sinh ngày 02/7/2010 và Danh Quốc T (giới tính: Nam), sinh ngày 14/3/2013 cho chị Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N và cháu T đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của các cháu). Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, giáo dục con chung đối với anh S, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại khóm M, phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Danh Quốc S có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Ngô Hồng Y đối với anh Danh Quốc S, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của chị Y và anh S không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi cưới nhau hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C (nay là Ủy ban nhân dân phường M), thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Y với anh S phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị Y và anh S đã sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị Y vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu xin được ly hôn với anh S. Đồng thời, tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 30/8/2022 anh S cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh với chị Y được ly hôn

với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Hồng Y với anh Danh Quốc S.

[5] Về con chung: Đối với cháu Danh Ngọc N (giới tính: Nữ), sinh ngày 02/7/2010 và Danh Quốc T (giới tính: Nam), sinh ngày 14/3/2013, hiện nay chị Y là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu N và cháu T cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp ý kiến của anh S, nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, giáo dục con chung cho anh S, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Y và anh S cho rằng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Chị Ngô Hồng Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Hồng Y với anh Danh Quốc S.

2. Về con chung: Chị Ngô Hồng Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Danh Ngọc N (giới tính: Nữ), sinh ngày 02/7/2010 và Danh Quốc T (giới tính: Nam), sinh ngày 14/3/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, giáo dục con chung cho anh S, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Ngô Hồng Y phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị Y được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002394, ngày

05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C. Như vậy, chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Danh Quốc S không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND phường M, thị xã C;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua